



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**06 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC
NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018**

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HOÀ**



an independent member of

**BAKER TILLY
INTERNATIONAL**



BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
06 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC
NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HOÀ

MỤC LỤC

| | Trang |
|--|---------|
| 1. Mục lục | 1 |
| 2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc | 2 - 4 |
| 3. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ | 5 |
| 4. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2018 | 6 - 9 |
| 5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 06 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 | 10 |
| 6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 06 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 | 11 - 12 |
| 7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 06 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 | 13 - 42 |



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hòa (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 06 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hòa là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Công ty TNHH Một thành viên Cấp thoát nước Khánh Hòa theo Quyết định số 2171/QĐ – UBND ngày 03 tháng 09 năm 2013 của Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Khánh Hòa.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp số 4200238007 ngày 31 tháng 12 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa cấp.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : 58 Yersin, phường Phương Sài, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam.
- Điện thoại : (0258) 3 822 142 – 3 815 372
- Fax : (0258) 3 819 144 – 3 810 740

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

| Tên đơn vị | Địa chỉ |
|---|---|
| Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hoà (Nộp phí) | 58 Yersin, phường Phương Sài, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam |
| Nhà máy nước Võ Cạnh – Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hoà | Gò Đình, thôn Võ Cạnh, xã Vĩnh Trung - Nha Trang |
| Nhà máy nước Xuân Phong – Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hoà | Thôn Phú Bình, xã Vĩnh Thạnh - Nha Trang |
| Kiểm định đồng hồ đo nước – Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hoà | Số 1B Lê Hồng Phong, phường Phước Tân - Nha Trang |
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hoà – Xí nghiệp Xây lắp Cấp thoát nước | Số 1B Lê Hồng Phong, phường Phước Tân - Nha Trang |

Hoạt động chính của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp là:

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước. Chi tiết: khai thác, xử lý và cung cấp nước sạch;
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng;
- Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hòa không khí và sản xuất nước đá. Chi tiết: sản xuất nước đá sạch;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: tư vấn quản lý dự án công trình cấp nước, tư vấn thẩm tra hồ sơ báo cáo đầu tư, dự án đầu tư, bản vẽ kỹ thuật, bản vẽ thi công, tổng mức đầu tư, tổng dự toán và dự toán các công trình. Tư vấn lập hồ sơ mời thầu, phân tích đánh giá hồ sơ dự thầu. Định giá xây dựng. Thiết kế cấp – thoát nước. Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình đường dây và trạm biến áp. Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng và công nghiệp;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Lắp đặt hệ thống điện;

1499
H N
V G T
TOÁN
NHA
NG -

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Thoát nước và xử lý nước thải;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật. Chi tiết: kiểm định đồng hồ đo nước từ 15mm đến 100mm;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Khách sạn;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chi tiết sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: cho thuê văn phòng;
- Đại lý du lịch;
- Điều hành tua du lịch;
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: kinh doanh nhà hàng;
- Quản lý và vận hành hệ thống thoát nước và các dịch vụ vệ sinh, môi trường.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm |
|------------------------|------------|------------------------------------|
| Ông Nguyễn Văn Đàm | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 23 tháng 7 năm 2016 |
| Ông Trần Văn Huy | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 23 tháng 7 năm 2016 |
| Ông Vũ Đức Bình | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 28 tháng 10 năm 2013 |
| Ông Phạm Cao Minh Dũng | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 28 tháng 10 năm 2013 |
| Ông Lục Chánh Trường | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 28 tháng 10 năm 2013 |

Ban kiểm soát

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm |
|--------------------------|------------|------------------------------------|
| Bà Hoàng Thị Hương Giang | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 01 tháng 05 năm 2015 |
| Ông Nguyễn Đình Hà | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 28 tháng 10 năm 2013 |
| Ông Vũ Văn Bình | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 28 tháng 10 năm 2013 |

Ban điều hành

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm |
|------------------------|-------------------|------------------------------------|
| Ông Trần Văn Huy | Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 06 tháng 11 năm 2013 |
| Ông Vũ Đức Bình | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 06 tháng 11 năm 2013 |
| Ông Phạm Cao Minh Dũng | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 06 tháng 11 năm 2013 |
| Ông Nguyễn Văn Đàm | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 01 tháng 03 năm 2014 |
| Ông Nguyễn Văn Quân | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm ngày 06 tháng 11 năm 2013 |

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Trần Văn Huy - Tổng Giám đốc Công ty (bổ nhiệm ngày 28 tháng 10 năm 2013).

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ .

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ .

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ .

Đại diện Ban Tổng Giám đốc,



Trần Văn Huy
Tổng Giám đốc

Ngày 01 tháng 08 năm 2018





**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 02 Truong Son St., Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang : Lot STH 06A.01, Le Hong Phong II Urban Area,
Phuoc Hai Ward, Nha Trang City
Branch in Can Tho : 15-13 Vo Nguyen Giap St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 3.0148/18/TC-AC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hoà (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 26 tháng 07 năm 2018, từ trang 06 đến trang 42, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo các nguyên tắc của Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
Chi nhánh Nha Trang**



**Nguyễn Văn Kiên
Giám đốc**

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0192-2018-008-1

Nha Trang, ngày 01 tháng 08 năm 2018.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HOÀ

Địa chỉ: 58 Yersin - Phường Phương Sài - Thành phố Nha Trang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 163.011.863.083 | 137.473.684.808 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | V.1 | 41.664.745.159 | 25.035.408.807 |
| 1. Tiền | 111 | | 9.508.015.605 | 6.919.190.096 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | 32.156.729.554 | 18.116.218.711 |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | 21.000.000.000 | 21.000.000.000 |
| 1. Chứng khoán kinh doanh | 121 | | - | - |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | 122 | | - | - |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | V.2a | 21.000.000.000 | 21.000.000.000 |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 55.032.022.073 | 48.077.835.254 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | V.3 | 35.682.911.925 | 46.898.760.450 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | V.4 | 18.993.390.000 | 983.756.000 |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | - | - |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | | - | - |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | V.5a | 355.720.148 | 195.318.804 |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | | - | - |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | | - | - |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | | 44.455.506.984 | 40.135.637.265 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | V.6 | 44.455.506.984 | 40.135.637.265 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | - | - |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 859.588.867 | 3.224.803.482 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | V.7 | 606.750.000 | 1.526.970.000 |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | 252.838.867 | 1.697.833.482 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | | - | - |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 154 | | - | - |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác | 155 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HOÀ

Địa chỉ: 58 Yersin - Phường Phương Sài - Thành phố Nha Trang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| | | | | |
| B- TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 405.781.261.933 | 417.647.249.851 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 274.416.885 | 274.416.885 |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | - | - |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn | 212 | | - | - |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc | 213 | | - | - |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn | 214 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn | 215 | | - | - |
| 6. Phải thu dài hạn khác | 216 | V.5b | 274.416.885 | 274.416.885 |
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | | - | - |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 368.854.116.305 | 381.192.464.132 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.8 | 350.064.777.710 | 361.827.391.105 |
| - Nguyên giá | 222 | | 794.090.294.817 | 758.375.144.005 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (444.025.517.107) | (396.547.752.900) |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | | - | - |
| - Nguyên giá | 225 | | - | - |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 226 | | - | - |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | V.9 | 18.789.338.595 | 19.365.073.027 |
| - Nguyên giá | 228 | | 28.196.122.400 | 27.837.385.000 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (9.406.783.805) | (8.472.311.973) |
| III. Bất động sản đầu tư | 230 | | - | - |
| - Nguyên giá | 231 | | - | - |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 232 | | - | - |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 12.744.861.377 | 12.272.501.468 |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241 | | - | - |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | V.10 | 12.744.861.377 | 12.272.501.468 |
| V. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | 23.907.867.366 | 23.907.867.366 |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | | - | - |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | V.2b | 24.000.000.000 | 24.000.000.000 |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | | - | - |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | V.2b | (92.132.634) | (92.132.634) |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 255 | | - | - |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260 | | - | - |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | | - | - |
| 2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại | 262 | | - | - |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | 263 | | - | - |
| 4. Tài sản dài hạn khác | 268 | | - | - |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 568.793.125.016 | 555.120.934.659 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HOÀ

Địa chỉ: 58 Yersin - Phường Phương Sài - Thành phố Nha Trang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| C - NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 274.089.165.644 | 252.916.958.342 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 109.320.809.977 | 104.496.202.675 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | V.11a,b | 22.321.176.414 | 33.660.495.540 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | V.12 | 13.921.791.000 | 3.335.896.000 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | V.13 | 7.969.256.293 | 7.158.116.687 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | V.14 | 14.931.960.419 | 18.350.952.069 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | V.15 | 929.707.301 | 3.452.545.274 |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn | 316 | | - | - |
| 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317 | | - | - |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | | - | 50.841.000 |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | V.16a,c | 21.350.487.408 | 2.797.458.963 |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | V.17a,c | 16.796.197.864 | 30.250.809.864 |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | | - | - |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | V.18 | 11.100.233.278 | 5.439.087.278 |
| 13. Quỹ bình ổn giá | 323 | | - | - |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 324 | | - | - |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 164.768.355.667 | 148.420.755.667 |
| 1. Phải trả người bán dài hạn | 331 | | - | - |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn | 332 | | - | - |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn | 333 | | - | - |
| 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh | 334 | | - | - |
| 5. Phải trả nội bộ dài hạn | 335 | | - | - |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 336 | | - | - |
| 7. Phải trả dài hạn khác | 337 | V.16b,c | 7.878.171.308 | 8.766.571.308 |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | V.17b,c | 154.965.414.697 | 137.729.414.697 |
| 9. Trái phiếu chuyển đổi | 339 | | - | - |
| 10. Cổ phiếu ưu đãi | 340 | | - | - |
| 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 341 | | - | - |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | | - | - |
| 13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 343 | | 1.924.769.662 | 1.924.769.662 |



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HOÀ

Địa chỉ: 58 Yersin - Phường Phương Sài - Thành phố Nha Trang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| | | | | |
| D - VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 294.703.959.372 | 302.203.976.317 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | | 294.703.959.372 | 302.203.976.317 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | V.19 | 260.000.000.000 | 260.000.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 260.000.000.000 | 260.000.000.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | 411b | | - | - |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | V.19 | 852.875.935 | 852.875.935 |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu | 413 | | - | - |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | | - | - |
| 5. Cổ phiếu quỹ | 415 | V.19 | (610.460.000) | (314.400.000) |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 416 | | - | - |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 417 | | - | - |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | V.19 | 10.599.227.000 | 7.655.926.000 |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 419 | | - | - |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | | - | - |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | V.19 | 23.862.316.437 | 34.009.574.382 |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | | 5.871.012.382 | 34.009.574.382 |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này | 421b | | 17.991.304.055 | - |
| 12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản | 422 | | - | - |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| 1. Nguồn kinh phí | 431 | | - | - |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định | 432 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 568.793.125.016 | 555.120.934.659 |

Nha Trang, ngày 26 tháng 07 năm 2018


Trần Thị Thu Hà
Người lập


Nguyễn Văn Quân
Kế toán trưởng




Trần Văn Huy
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HOÀ

Địa chỉ: 58 Yersin - Phường Phương Sài - Thành phố Nha Trang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-------|-------------|-----------------------------------|-----------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.1 | 156.660.855.295 | 140.421.909.747 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | VI.2 | 11.325.909 | 20.332.000 |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 156.649.529.386 | 140.401.577.747 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.3 | 129.827.829.587 | 116.034.826.773 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 26.821.699.799 | 24.366.750.974 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.4 | 1.187.750.283 | 1.182.457.491 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | VI.5 | 2.720.697.191 | 2.849.829.340 |
| Trong đó: chi phí lãi vay | 23 | | 2.720.697.191 | 2.849.829.340 |
| 8. Chi phí bán hàng | 25 | VI.6 | 311.287.563 | 445.722.727 |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | VI.7 | 4.536.466.616 | 2.924.157.764 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 20.440.998.712 | 19.329.498.634 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | VI.8 | 2.119.069.443 | 2.882.426.423 |
| 12. Chi phí khác | 32 | VI.9 | 2.091.407.516 | 3.064.253.636 |
| 13. Lợi nhuận khác | 40 | | 27.661.927 | (181.827.213) |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 20.468.660.639 | 19.147.671.421 |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | V.13 | 2.477.356.584 | 2.315.473.070 |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | | - | - |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | <u>17.991.304.055</u> | <u>16.832.198.351</u> |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | VI.10a,b | <u>693</u> | <u>648</u> |
| 19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 71 | VI.10a,b | <u>693</u> | <u>648</u> |

11/01/2019


Trần Thị Thu Hà
Người lập

Nguyễn Văn Quân
Kế toán trưởng

Nha Trang, ngày 26 tháng 07 năm 2018

Trần Văn Huy
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HOÀ

Địa chỉ: 58 Yersin - Phường Phương Sài - Thành phố Nha Trang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------|-------------|-----------------------------------|-------------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | | 20.468.660.639 | 19.147.671.421 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản: | | | | |
| - Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư | 02 | V.8,9 | 48.412.236.039 | 40.589.302.508 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | | - | - |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | | - | - |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | VI.4 | (1.187.750.283) | (1.182.457.491) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | VI.5 | 2.720.697.191 | 2.849.829.340 |
| - Các khoản điều chỉnh khác | 07 | | - | - |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | | 70.413.843.586 | 61.404.345.778 |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | | (5.466.724.700) | (5.449.603.012) |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | V.6 | (4.319.869.719) | 1.715.927.838 |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả | 11 | | (7.394.760.757) | 3.324.498.171 |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | V.7 | 920.220.000 | (877.080.000) |
| - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh | 13 | | - | - |
| - Tiền lãi vay đã trả | 14 | | (2.084.904.312) | (4.029.699.094) |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | V.13 | (1.820.315.404) | (1.200.000.000) |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | V.18 | 17.550.000 | - |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | V.18 | (831.665.000) | (804.255.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | 49.433.373.694 | 54.084.134.681 |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 21 | | (36.546.248.121) | (44.661.485.076) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 22 | | - | - |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | | - | 5.000.000.000 |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | | - | - |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | | - | (13.800.000.000) |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | | - | - |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | | 1.145.282.779 | 1.182.457.491 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | (35.400.965.342) | (52.279.027.585) |



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HOÀ

Địa chỉ: 58 Yersin - Phường Phương Sài - Thành phố Nha Trang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------|-------------|-----------------------------------|------------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | V.19 | 314.400.000 | - |
| 2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | V.19 | (610.460.000) | - |
| 3. Tiền thu từ đi vay | 33 | V.17a,b | 17.236.000.000 | 6.665.757.000 |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | V.17a,b | (14.343.012.000) | (7.489.186.000) |
| 5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính | 35 | | - | - |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | | - | (3.780.000.000) |
| <i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i> | <i>40</i> | | <i>2.596.928.000</i> | <i>(4.603.429.000)</i> |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ | 50 | | 16.629.336.352 | (2.798.321.904) |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | V.1 | 25.035.408.807 | 39.038.159.183 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | - | - |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ | 70 | V.1 | 41.664.745.159 | 36.239.837.279 |

Nha Trang, ngày 26 tháng 07 năm 2018


Trần Thị Thu Hà
Người lập



Nguyễn Văn Quân
Kế toán trưởngTrần Văn Huy
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, phường Phương Sài, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hoà (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất và cung cấp nước sạch; Thi công lắp đặt công trình trạm bơm và đường ống cấp thoát nước; Thiết kế mạng lưới và công trình trạm bơm cấp thoát nước; Tư vấn thẩm tra mạng lưới và công trình trạm bơm cấp thoát nước.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Công ty liên doanh, liên kết

Công ty chỉ đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Cấp thoát nước Suối Dầu có trụ sở chính tại 58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Khánh Hòa. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết này là khai thác, xử lý và cung cấp nước. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty liên kết này là 30%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ phần sở hữu tương đương với tỷ lệ vốn góp.

Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

| Tên đơn vị | Địa chỉ |
|---|---|
| Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hoà (Nộp phí) | 58 Yersin, phường Phương Sài, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam |
| Nhà máy nước Võ Cạnh – Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hoà | Gò Đình, thôn Võ Cạnh, xã Vĩnh Trung - Nha Trang |
| Nhà máy nước Xuân Phong – Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hoà | Thôn Phú Bình, xã Vĩnh Thạnh - Nha Trang |
| Kiểm định đồng hồ đo nước – Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hoà | Số 1B Lê Hồng Phong, phường Phước Tân - Nha Trang |
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hoà – Xí nghiệp Xây lắp Cấp thoát nước | Số 1B Lê Hồng Phong, phường Phước Tân - Nha Trang |

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, phường Phương Sài, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 333 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 357 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, phường Phương Sài, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết. Nếu công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, phường Phương Sài, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là chi phí công cụ dụng cụ và chi phí sửa chữa. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 12 tháng.

Chi phí trả trước ngắn hạn khác

Chi phí trả trước ngắn hạn khác là chi phí sửa chữa các tuyến ống, được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 12 tháng.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, phường Phương Sài, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 5 - 50 |
| Máy móc và thiết bị | 3 - 20 |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 6 - 30 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 3 - 10 |

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất này được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê đất.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

Tài sản cố định vô hình khác

Tài sản cố định vô hình khác là toàn bộ chi phí mà Công ty đã chi ra để lập quy hoạch hệ thống cấp nước TP. Nha Trang và Huyện Diên Khánh đến 2010 và định hướng đến 2025. Tài sản này được khấu hao 15 năm.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, phường Phương Sài, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

11. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được thành lập nhằm tạo nguồn tài chính đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Công ty như sau:

- Cấp kinh phí để thực hiện các đề tài, dự án khoa học và công nghệ.
- Hỗ trợ phát triển khoa học và công nghệ:
 - Trang bị cơ sở vật chất - kỹ thuật cho hoạt động khoa học và công nghệ.
 - Mua máy móc, thiết bị để đổi mới công nghệ trực tiếp sử dụng vào việc sản xuất sản phẩm.
 - Mua bản quyền công nghệ, quyền sử dụng, quyền sở hữu sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, thông tin khoa học và công nghệ, các tài liệu, sản phẩm có liên quan để phục vụ cho hoạt động khoa học và công nghệ.
 - Trả lương, chi thuê chuyên gia hoặc hợp đồng với tổ chức khoa học và công nghệ để thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ.
 - Chi phí cho đào tạo nhân lực khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ.
 - Chi cho các hoạt động sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất.
 - Chi phí cho các hoạt động hợp tác nghiên cứu, triển khai về khoa học và công nghệ với các tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam.

Tài sản cố định hình thành từ quỹ phát triển khoa học và công nghệ được ghi giảm quỹ tương ứng và không phải trích khấu hao.

Mức trích lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ bằng 10% thu nhập tính thuế trong năm theo điều lệ tổ chức và hoạt động của quỹ và được hạch toán vào chi phí. Nếu trong năm, chi cho hoạt động khoa học công nghệ vượt số dư hiện có tại quỹ thì khoản chi vượt được tính vào chi phí hoặc phân bổ cho các năm sau.

12. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, phường Phương Sài, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

13. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, phường Phương Sài, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

15. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm giảm giá hàng bán phát sinh cùng kỳ tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ này mới phát sinh giảm giá hàng bán thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ của kỳ này.
- Nếu khoản trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ của kỳ sau.

16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

17. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, phường Phương Sài, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chi ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, phường Phương Sài, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

21. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, phường Phương Sài, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Tiền mặt | 16.108.003 | 44.272.027 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 9.491.907.602 | 6.874.918.069 |
| Các khoản tương đương tiền | 32.156.729.554 | 18.116.218.711 |
| - Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng | 32.156.729.554 | 18.116.218.711 |
| Cộng | 41.664.745.159 | 25.035.408.807 |

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|--------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Giá gốc | Giá trị ghi sổ | Giá gốc | Giá trị ghi sổ |
| <i>Ngắn hạn</i> | | | | |
| Tiền gửi có kỳ hạn | 21.000.000.000 | 21.000.000.000 | 21.000.000.000 | 21.000.000.000 |
| Cộng | 21.000.000.000 | 21.000.000.000 | 21.000.000.000 | 21.000.000.000 |

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4201574467 ngày 27 tháng 9 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Cấp thoát nước Suối Dầu 24.000.000.000VND, tương đương 30% vốn điều lệ. Trong kỳ, Công ty đã đầu tư thêm 13.800.000.000VND. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư 24.000.000.000VND, tương đương 30% vốn điều lệ.

Trong kỳ, Công ty không có đầu tư vốn bổ sung vào Công ty liên kết.

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của công ty liên kết

Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Cấp thoát nước Suối Dầu hiện đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

| | Kỳ này | Kỳ trước |
|-------------------|-------------------|-------------------|
| Số đầu năm | 92.132.634 | 92.132.634 |
| Số cuối kỳ | 92.132.634 | 92.132.634 |

Giao dịch với công ty liên kết

Công ty chỉ phát sinh giao dịch với Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Cấp thoát nước Suối Dầu là công ty liên kết như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, phường Phương Sài, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | | | |
|---|-----------------------------------|-----------------------|--------------------|-----------------|
| | Năm nay | Năm trước | | |
| Thanh toán tiền thuê văn phòng | 33.000.000 | - | | |
| Doanh thu thuê văn phòng | - | 30.000.000 | | |
| Doanh thu bán phế liệu | - | 10.500.000 | | |
| Chi phí mua nước sinh hoạt | 10.291.285.714 | 4.455.556.285 | | |
| Thu tiền thi công và các hoạt động khác | - | 2.003.260.000 | | |
| Thanh toán tiền mua nước sinh hoạt | 10.469.250.000 | 1.532.835.300 | | |
| Góp vốn đầu tư | - | 13.800.000.000 | | |
| Doanh thu thi công công trình xây dựng | - | 1.413.970.909 | | |
| Chi phí thẩm tra dự án thoát nước Nha Trang | 16.652.727 | - | | |
| Thanh toán tiền hợp đồng tư vấn | 18.318.000 | - | | |
| 3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | | | | |
| | Số cuối kỳ | Số đầu năm | | |
| <i>Phải thu các bên liên quan</i> | - | 33.000.000 | | |
| Công ty cổ phần đầu tư xây dựng cấp thoát nước Suối Dầu | - | 33.000.000 | | |
| <i>Phải thu các khách hàng khác</i> | 35.682.911.925 | 46.865.760.450 | | |
| Phải thu tiền nước khách hàng | 35.216.691.925 | 29.550.495.960 | | |
| Phải thu hoạt động xây lắp | 466.220.000 | 576.121.490 | | |
| Phải thu hoạt động nạo vét hệ thống thoát nước - UBND Thành Phố Nha Trang | - | 16.739.143.000 | | |
| Cộng | 35.682.911.925 | 46.898.760.450 | | |
| 4. Trả trước cho người bán ngắn hạn | | | | |
| | Số cuối kỳ | Số đầu năm | | |
| <i>Trả trước cho các người bán khác</i> | 18.993.390.000 | 983.756.000 | | |
| Công ty Cổ phần Bạch đằng 4 | 17.236.000.000 | - | | |
| Công ty TNHH Một thành viên Đồng Phát | 462.059.000 | 395.510.000 | | |
| Trường Đại học lao động xã hội - Cơ sở 2 | 240.000.000 | 240.000.000 | | |
| Các nhà cung cấp khác | 1.055.331.000 | 348.246.000 | | |
| Cộng | 18.993.390.000 | 983.756.000 | | |
| 5. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác | | | | |
| 5a. Phải thu ngắn hạn khác | | | | |
| | Số cuối kỳ | Số đầu năm | | |
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| <i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i> | 355.720.148 | - | 195.318.804 | - |
| Các khoản ký cược, ký quỹ | 88.323.000 | - | 32.271.000 | - |
| Tạm ứng | 15.000.000 | - | 56.720.000 | - |
| Phải thu Bảo hiểm xã hội | 151.214.233 | - | 47.612.393 | - |
| Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn | 101.182.915 | - | 58.715.411 | - |
| Các khoản phải thu ngắn hạn khác | - | - | - | - |
| Cộng | 355.720.148 | - | 195.318.804 | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, phường Phương Sài, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

5b. Phải thu dài hạn khác

Khoản ký quỹ tại Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa đảm bảo thực hiện dự án cải tạo Nhà máy xử lý nước thị trấn Tô Hạp, huyện Khánh Sơn, tỉnh Khánh Hòa.

6. Hàng tồn kho

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|--------------------------------------|-----------------------|----------|-----------------------|----------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Nguyên liệu, vật liệu | 40.459.716.895 | - | 38.359.747.754 | - |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | 3.995.790.089 | - | 1.775.889.511 | - |
| Cộng | 44.455.506.984 | - | 40.135.637.265 | - |

7. Chi phí trả trước ngắn hạn

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---------------------------|--------------------|----------------------|
| Chi phí công cụ, dụng cụ | 578.550.000 | 1.442.370.000 |
| Chi phí nâng cấp phần mềm | 28.200.000 | 84.600.000 |
| Cộng | 606.750.000 | 1.526.970.000 |

8. Tài sản cố định hữu hình

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc và thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Cộng |
|---------------------------------------|------------------------|------------------------|---------------------------------|---------------------------|------------------------|
| Nguyên giá | | | | | |
| Số đầu năm | 59.275.318.936 | 194.181.452.883 | 503.407.646.851 | 1.510.725.335 | 758.375.144.005 |
| Mua trong kỳ | - | 5.273.846.721 | 871.012.000 | 46.809.091 | 6.191.667.812 |
| Đầu tư XD CB hoàn thành | 2.862.877.000 | 13.208.275.000 | 13.452.331.000 | - | 29.523.483.000 |
| Số cuối kỳ | 62.138.195.936 | 212.663.574.604 | 517.730.989.851 | 1.557.534.426 | 794.090.294.817 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | 14.853.969.187 | 26.725.005.453 | 48.765.449.207 | 1.318.998.062 | 91.663.421.909 |
| Chờ thanh lý | - | - | - | - | - |
| Giá trị hao mòn | | | | | |
| Số đầu năm | 35.554.020.455 | 95.120.188.862 | 264.588.727.327 | 1.284.816.256 | 396.547.752.900 |
| Khấu hao trong kỳ | 2.866.973.882 | 19.325.537.991 | 25.207.164.211 | 78.088.123 | 47.477.764.207 |
| Số cuối kỳ | 38.420.994.337 | 114.445.726.853 | 289.795.891.538 | 1.362.904.379 | 444.025.517.107 |
| Giá trị còn lại | | | | | |
| Số đầu năm | 23.721.298.481 | 99.061.264.021 | 238.818.919.524 | 225.909.079 | 361.827.391.105 |
| Số cuối kỳ | 23.717.201.599 | 98.217.847.751 | 227.935.098.313 | 194.630.047 | 350.064.777.710 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | | |
| Tạm thời chưa sử dụng | - | - | - | - | - |
| Đang chờ thanh lý | - | - | - | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, phường Phương Sài, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 101.122.000.000 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Quỹ đầu tư Phát triển Khánh Hòa. (xem thuyết minh V.17)

9. Tài sản cố định vô hình

| | Quyền sử dụng đất | Chương trình phần mềm máy tính | Tài sản cố định khác | Cộng |
|---------------------------------------|-----------------------|--------------------------------|----------------------|-----------------------|
| Nguyên giá | | | | |
| Số đầu năm | 24.636.685.000 | 2.579.904.000 | 620.796.000 | 27.837.385.000 |
| Mua trong kỳ | - | 358.737.400 | - | 358.737.400 |
| Số cuối kỳ | 24.636.685.000 | 2.938.641.400 | 620.796.000 | 28.196.122.400 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | - | 2.579.904.000 | - | - |
| Giá trị hao mòn | | | | |
| Số đầu năm | 5.526.828.673 | 2.579.904.000 | 365.579.300 | 8.472.311.973 |
| Khấu hao trong kỳ | 903.813.702 | 9.964.928 | 20.693.202 | 934.471.832 |
| Số cuối kỳ | 6.430.642.375 | 2.589.868.928 | 386.272.502 | 9.406.783.805 |
| Giá trị còn lại | | | | |
| Số đầu năm | 19.109.856.327 | - | 255.216.700 | 19.365.073.027 |
| Số cuối kỳ | 18.206.042.625 | 348.772.472 | 234.523.498 | 18.789.338.595 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | |
| Tạm thời không sử dụng | - | - | - | - |
| Đang chờ thanh lý | - | - | - | - |

Một số tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 2.997.458.325 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Quỹ đầu tư Phát triển Khánh Hòa. (xem thuyết minh V.17)

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

| | Số đầu năm | Chi phí phát sinh trong kỳ | Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ | Kết chuyển giảm khác | Số cuối kỳ |
|--|----------------|----------------------------|------------------------------|----------------------|----------------|
| Xây dựng cơ bản dở dang | 12.272.501.468 | 40.617.595.748 | (29.523.483.000) | (10.621.752.839) | 12.744.861.377 |
| - Dự án cấp nước đảo Trí Nguyên | 3.472.001 | - | - | (3.472.001) | - |
| - Dự án mở rộng nâng cấp hệ thống nước TP. Nha Trang | 1.053.702.202 | - | - | - | 1.053.702.202 |
| - Dự án nhà hành chính nhà máy nước Võ Cảnh | 1.028.601.818 | 1.834.275.454 | (2.862.877.000) | (272) | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, phường Phương Sài, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

| | Số đầu năm | Chi phí phát sinh trong kỳ | Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ | Kết chuyển giảm khác | Số cuối kỳ |
|--|-----------------------|----------------------------|------------------------------|-------------------------|-----------------------|
| - Dự án xử lý bùn nhà máy nước Võ Cảnh | 1.092.237.273 | 247.885.364 | | | 1.340.122.637 |
| - Tuyến D400 đường Phong Châu | - | 2.706.946.819 | - | (159.036.010) | 2.547.910.809 |
| - Bể lọc nước nhà máy nước Võ Cảnh | - | 11.139.309.500 | (11.127.113.000) | (12.196.500) | - |
| - Các công trình khác | 9.094.488.174 | 24.689.178.611 | (15.533.493.000) | (10.447.048.056) | 7.803.125.729 |
| Cộng | 12.272.501.468 | 40.617.595.748 | (29.523.483.000) | (10.621.752.839) | 12.744.861.377 |

11. Phải trả người bán ngắn hạn

11a. Phải trả người bán ngắn hạn

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Phải trả các bên liên quan | 3.748.668.000 | 3.412.068.000 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Cấp thoát nước Suối Dầu | 3.748.668.000 | 3.412.068.000 |
| Phải trả các nhà cung cấp khác | 18.572.508.414 | 30.248.427.540 |
| Công ty TNHH Dững Lợi | - | 11.713.925.000 |
| Công ty TNHH Thương mại N.T.P | 3.626.620.800 | 6.467.301.500 |
| Công ty TNHH Minh Thông | - | 3.115.625.781 |
| Công ty Cổ phần HAWACO Miền Nam | 3.910.805.800 | 4.860.805.400 |
| Công ty Cổ phần nhựa Đồng Nai | 2.659.979.674 | 3.046.604.660 |
| Các nhà cung cấp khác | 8.375.102.140 | 1.044.165.199 |
| Cộng | 22.321.176.414 | 33.660.495.540 |

11b. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--|-----------------------|----------------------|
| Trả trước của các khách hàng khác | 13.921.791.000 | 3.335.896.000 |
| Ban Quản lý dự án các dự án ĐTXD các công trình NN & PTNT tỉnh Khánh Hòa | - | 974.413.000 |
| Trung tâm phát triển quỹ đất Tỉnh Khánh hòa | 12.352.555.000 | 1.261.098.000 |
| Các khách hàng khác | 1.569.236.000 | 1.100.385.000 |
| Cộng | 13.921.791.000 | 3.335.896.000 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, phường Phương Sài, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

| | Số đầu năm | Số phải nộp trong kỳ | Số đã thực nộp trong kỳ | Số cuối kỳ |
|---|----------------------|-----------------------|-------------------------|----------------------|
| Thuế GTGT hàng bán nội địa | - | 2.603.974.042 | (2.603.974.042) | - |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 497.595.465 | 2.477.356.584 | (1.820.315.404) | 1.154.636.645 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 380.626.550 | 1.295.441.478 | (1.529.776.028) | 146.292.000 |
| Thuế tài nguyên | 109.813.200 | 679.725.120 | (671.437.620) | 118.100.700 |
| Thuế nhà đất | 10.815.400 | - | (10.815.400) | - |
| Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác | 6.159.266.072 | 35.642.405.477 | (35.251.444.601) | 6.550.226.948 |
| <i>Phí bảo vệ môi trường đối với nước sinh hoạt</i> | <i>517.367.064</i> | <i>3.665.821.920</i> | <i>(3.536.341.922)</i> | <i>646.847.062</i> |
| <i>Giá thoát nước đô thị</i> | <i>5.183.534.036</i> | <i>30.994.935.981</i> | <i>(30.793.212.255)</i> | <i>5.385.257.762</i> |
| <i>Phí dịch vụ bảo vệ môi trường rừng</i> | <i>458.364.972</i> | <i>981.647.576</i> | <i>(921.890.424)</i> | <i>518.122.124</i> |
| Cộng | 7.158.116.687 | 42.698.902.701 | (41.887.763.095) | 7.969.256.293 |

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Hoạt động cung cấp nước sạch 5%
- Hoạt động xây lắp, khảo sát thiết kế và dịch vụ khác 10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ hoạt động sản xuất nước với thuế suất 10%.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------------------------------|------------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 20.468.660.639 | 19.147.671.421 |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp: | 103.319.984 | 244.943.000 |
| - Các khoản điều chỉnh tăng | 103.319.984 | 244.943.000 |
| - Các khoản điều chỉnh giảm | - | - |
| Thu nhập chịu thuế | 20.571.980.623 | 19.392.614.421 |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp | 20% | 20% |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông | 4.114.396.125 | 3.878.522.884 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông | (1.757.354.945) | (1.563.049.814) |
| Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước | 120.315.404 | - |
| Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp | 2.477.356.584 | 2.315.473.070 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, phường Phương Sài, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên đối với mặt nước phục vụ sản xuất với giá tính thuế là 3.000 VND/m³, thuế suất là 1%.

Thuế nhà đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

14. Phải trả người lao động

Quỹ lương kế hoạch năm 2018 được thực hiện theo Công văn số 5661/UBND-KT ngày 08 tháng 06 năm 2018 như sau:

+ Quỹ tiền lương kế hoạch năm 2018 của Người lao động là: 74.868.000.000 VND.

+ Quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2018 của Viên chức quản lý là: 2.832.000.000 VND

Trong 6 tháng đầu năm, Công ty đã tạm trích Quỹ lương năm 2018 với tỷ lệ 18% trên tổng doanh thu doanh thu nước sạch và doanh thu thiết kế theo Quyết định số 12/NQ-HĐQT ngày 23 tháng 03 năm 2018.

Số dư cuối năm là Quỹ lương còn lại chưa chi cho người lao động.

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|---------------------------|-----------------------------|
| <i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i> | <i>929.707.301</i> | <i>3.452.545.274</i> |
| Chi phí hỗ trợ phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt | 354.967.470 | 478.240.890 |
| Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát | 321.150.000 | - |
| Chi phí công trình | - | 1.019.008.214 |
| Chi phí lãi vay phải trả | - | 252.607.121 |
| Chi phí tiền điện sản xuất | - | 582.740.500 |
| Các chi phí phải trả ngắn hạn khác | 253.589.831 | 1.119.948.549 |
| <i>Chi phí may bảo hộ lao động, khám sức khỏe cho công nhân</i> | <i>-</i> | <i>493.779.600</i> |
| <i>Các chi phí phải trả ngắn hạn khác</i> | <i>138.011.495</i> | <i>510.590.613</i> |
| <i>Công trình Lê Thanh Liêm</i> | <i>115.578.336</i> | <i>115.578.336</i> |
| Cộng | <u>929.707.301</u> | <u>3.452.545.274</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, phường Phương Sài, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

16. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác

16a. Phải trả ngắn hạn khác

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-----------------------|----------------------|
| <i>Phải trả các bên liên quan</i> | <i>14.832.000.000</i> | - |
| Ủy ban Nhân dân tỉnh Khánh Hòa - Phải trả cổ tức | 14.832.000.000 | - |
| <i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i> | <i>6.518.487.408</i> | <i>2.797.458.963</i> |
| Cổ tức phải trả hàng năm cho Cổ đông | 3.888.000.000 | - |
| Kinh phí công đoàn | 219.815.000 | 622.397.551 |
| Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn | 510.000.000 | - |
| Nhận đặt cọc lắp đặt hệ thống ống nước | 973.900.000 | 1.020.000.000 |
| Phải trả phí cấp quyền khai thác nước | 728.433.000 | 294.413.000 |
| Chi phí phải trả cho Xí nghiệp Xây lắp | 178.339.408 | 380.699.962 |
| Các khoản phải trả ngắn hạn khác | 20.000.000 | 479.948.450 |
| Cộng | 21.350.487.408 | 2.797.458.963 |

16b. Phải trả dài hạn khác

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|----------------------|----------------------|
| <i>Phải trả các bên liên quan</i> | <i>4.193.771.308</i> | <i>4.193.771.308</i> |
| Ủy ban Nhân dân tỉnh Khánh Hòa - Nhận bàn giao tài sản | 4.193.771.308 | 4.193.771.308 |
| <i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i> | <i>3.684.400.000</i> | <i>4.572.800.000</i> |
| Tiền lãi vay ân hạn vốn ODA phải trả - Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh | 3.684.400.000 | 4.572.800.000 |
| Cộng | 7.878.171.308 | 8.766.571.308 |

16c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

17. Vay ngắn hạn/dài hạn

17a. Vay ngắn hạn

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.17b) | 16.796.197.864 | 30.250.809.864 |
| - Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa | 4.513.080.000 | 9.026.160.000 |
| - Quỹ Đầu tư Phát triển Khánh Hòa | 4.088.468.000 | 9.030.000.000 |
| - Vay dài hạn Ngân sách Tỉnh Khánh Hòa | 8.194.649.864 | 12.194.649.864 |
| Cộng | 16.796.197.864 | 30.250.809.864 |

Công ty có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, phường Phương Sài, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

| | Số đầu năm | Số tiền vay đã trả trong kỳ | Hoàn trả lại giá trị giải ngân dư | Số cuối kỳ |
|---|-----------------------|-----------------------------|-----------------------------------|-----------------------|
| Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.17b) | 30.250.809.864 | (12.983.080.000) | (471.532.000) | 16.796.197.864 |
| - Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa | 9.026.160.000 | (4.513.080.000) | - | 4.513.080.000 |
| - Quỹ Đầu tư Phát triển Khánh Hòa | 9.030.000.000 | (4.470.000.000) | (471.532.000) | 4.088.468.000 |
| - Vay dài hạn Ngân sách Tỉnh Khánh Hòa | 12.194.649.864 | (4.000.000.000) | - | 8.194.649.864 |
| Cộng | 30.250.809.864 | (12.983.080.000) | (471.532.000) | 16.796.197.864 |

17b. Vay dài hạn

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--|------------------------|------------------------|
| Vay dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác | 154.965.414.697 | 137.729.414.697 |
| Vay dài hạn ngân hàng | 93.992.165.378 | 76.756.165.378 |
| Vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa ⁽ⁱ⁾ | 49.643.880.978 | 49.643.880.978 |
| Vay Quỹ đầu tư Phát triển Khánh Hòa ⁽ⁱⁱ⁾ | 44.348.284.400 | 27.112.284.400 |
| Vay dài hạn các tổ chức khác | 60.973.249.319 | 60.973.249.319 |
| Vay Ngân sách Tỉnh Khánh Hòa ⁽ⁱⁱⁱ⁾ | 60.973.249.319 | 60.973.249.319 |
| Cộng | 154.965.414.697 | 137.729.414.697 |

Công ty có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

- (i) Khoản vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa để “Nâng cấp cải tạo hệ thống cấp nước và vệ sinh Thành phố Nha Trang với hạn mức 135.392.400.978 VND, lãi suất 5%/năm (bao gồm phí quản lý cho vay lại 0,2%/năm), thời hạn vay 25 năm kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2000, thời hạn trả nợ gốc là 20 năm (mỗi năm 2 kỳ) kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2004. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

Đến thời điểm ngày 31/12/2008, Dự án “Nâng cấp cải tạo Hệ thống cấp nước và vệ sinh TP. Nha Trang”, được hình thành từ vốn vay ODA, đã hoàn thành và đưa vào sử dụng. Tuy nhiên, quyết toán toàn bộ dự án chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Vì vậy, Công ty chỉ ghi nhận nợ vay theo giá trị tài sản, vật tư, công cụ do Ban quản lý Dự án Cấp nước và vệ sinh TP. Nha Trang tạm bàn giao theo số liệu đã xác nhận nợ vay của Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Khánh Hòa. Sau khi chuyển sang Công ty Cổ phần toàn bộ giá trị tài sản, vật tư, công cụ vay từ vốn ODA đã được đánh giá lại và được xác định là tài sản của Công ty theo Quyết định số: 1416/QĐ-UBND ngày 17/06/2013 và Quyết định số 2140/QĐ-UBND ngày 29/08/2013 của UBND tỉnh Khánh Hòa về “Giá trị Doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty TNHH MTV cấp thoát nước Khánh Hòa”.

- (ii) Công ty có các khoản vay dài hạn Quỹ đầu tư Phát triển Khánh Hòa với chi tiết như sau:

- Hợp đồng tín dụng số 01/2013/HĐTD-ĐTPT ngày 19 tháng 9 năm 2013 với hạn mức tín dụng 28 tỷ VND, mục đích vay để đầu tư dự án Cấp nước sạch Xã Vĩnh Lương, thời hạn vay là 102 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu (25/9/2013), thời gian ân hạn 06 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu, lãi suất 8,29%/năm, biện pháp đảm bảo bằng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai - tài sản tại Nhà máy nước Võ Cảnh. (xem thuyết minh V.8 và V.9).

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, phường Phương Sài, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- ~ Hợp đồng tín dụng số 04/2015/HĐTD-D0TPT ngày 30 tháng 10 năm 2015 với hạn mức 25 tỷ VND, mục đích vay dùng để đầu tư dự án " Cấp nước sạch Khu dân cư Diên Thủy, Diên Sơn và Diên Phú", thời hạn vay là 90 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu từ ngày 14 tháng 12 năm 2015, thời gian ân hạn 6 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu, thời gian trả nợ gốc 84 tháng, lãi suất 8,29%/năm, biện pháp đảm bảo bằng tài sản thế chấp hình thành trong tương lai - tài sản được hình thành từ vốn vay. (xem thuyết minh V.8 và V.9).
- Hợp đồng tín dụng số 06/2016/HĐTD-ĐTPT ngày 21 tháng 11 năm 2016 với hạn mức 24,37 tỷ VND, mục đích vay dùng để đầu tư dự án "Đầu tư hệ thống cấp nước sạch cho đảo Trí Nguyên", thời hạn vay là 105 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu từ ngày 25 tháng 11 năm 2016, thời gian ân hạn 9 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu, thời gian trả nợ gốc 96 tháng, lãi suất 8,29%/năm, biện pháp đảm bảo bằng tài sản thế chấp hình thành trong tương lai - tài sản được hình thành từ vốn vay. (xem thuyết minh V.8 và V.9).
- Hợp đồng tín dụng số 09/2017/HĐTD-ĐTPT ngày 27 tháng 12 năm 2017 với hạn mức 41,15 tỷ VND, mục đích vay dùng để đầu tư dự án " Cải tạo, nâng cấp tuyến ống cấp nước DN700 đường 23/10 đoạn Nhà máy nước Võ Cảnh đến Cầu Dừa - Nha Trang", thời hạn vay là 126 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu từ ngày 09 tháng 05 năm 2018, thời gian ân hạn 6 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu, thời gian trả nợ gốc 120 tháng, lãi suất 8,29%/năm, biện pháp đảm bảo bằng tài sản thế chấp hình thành trong tương lai - tài sản được hình thành từ vốn vay. (xem thuyết minh V.8 và V.9).
- (iii) Vay dài hạn Ngân sách Tỉnh Khánh Hòa để đầu tư nâng cấp mở rộng Nhà máy nước Võ Cảnh và lắp đặt hệ thống Lamella cho bể lắng Nhà máy nước Võ Cảnh thuộc Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hòa với lãi suất 0%. Khoản vay này không đảm bảo với thời hạn trả nợ gốc 12 năm kể từ ngày công trình hoàn thành, nghiệm thu đưa vào sử dụng.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|----------------------|------------------------|------------------------|
| Từ 1 năm trở xuống | 16.796.197.863 | 30.250.809.863 |
| Trên 1 năm đến 5 năm | 98.898.467.128 | 81.662.467.128 |
| Trên 5 năm | 56.066.947.570 | 56.066.947.570 |
| Cộng | 171.761.612.561 | 167.980.224.561 |

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn trong kỳ như sau:

| | Số tiền vay phát | | |
|---|------------------------|-----------------------|------------------------|
| | Số đầu năm | sinh trong kỳ | Số cuối kỳ |
| Vay dài hạn ngân hàng | 76.756.165.378 | 17.236.000.000 | 93.992.165.378 |
| - Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa | 49.643.880.978 | - | 49.643.880.978 |
| - Quỹ Đầu tư Phát triển Khánh Hòa | 27.112.284.400 | 17.236.000.000 | 44.348.284.400 |
| Vay dài hạn các tổ chức khác | 60.973.249.319 | - | 60.973.249.319 |
| - Vay dài hạn Ngân sách Tỉnh Khánh Hòa | 60.973.249.319 | - | 60.973.249.319 |
| Cộng | 137.729.414.697 | 17.236.000.000 | 154.965.414.697 |

17c. Vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, phường Phương Sài, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

| | Số đầu năm | Tăng do trích lập từ lợi nhuận | Nhận khen thưởng từ Sở xây dựng | Chi quỹ trong kỳ | Số cuối kỳ |
|-----------------------------------|----------------------|--------------------------------|---------------------------------|----------------------|-----------------------|
| Quỹ khen thưởng | (521.159.000) | 4.414.951.000 | 17.550.000 | (684.760.000) | 3.226.582.000 |
| Quỹ phúc lợi | 5.960.246.278 | 882.990.000 | - | (146.905.000) | 6.696.331.278 |
| Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành | - | 1.177.320.000 | - | - | 1.177.320.000 |
| Cộng | 5.439.087.278 | 6.475.261.000 | 17.550.000 | (831.665.000) | 11.100.233.278 |

19. Vốn chủ sở hữu

19a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

| | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Cổ phiếu quỹ | Quỹ đầu tư phát triển | Lợi nhuận chưa phân phối | Cộng |
|---|---------------------------|----------------------|----------------------|-----------------------|--------------------------|------------------------|
| Số đầu năm trước | 260.000.000.000 | 852.875.935 | (314.400.000) | 4.886.075.000 | 31.163.368.998 | 296.587.919.933 |
| Lợi nhuận trong kỳ trước | - | - | - | - | 16.832.198.351 | 16.832.198.351 |
| Trích lập các quỹ đầu tư phát triển | - | - | - | 2.769.851.000 | (2.769.851.000) | - |
| Trích lập các quỹ khen thưởng, phúc lợi | - | - | - | - | (5.816.687.000) | (5.816.687.000) |
| Chia cổ tức, lợi nhuận | - | - | - | - | (18.200.000.000) | (18.200.000.000) |
| Số dư cuối năm trước | 260.000.000.000 | 852.875.935 | (314.400.000) | 7.655.926.000 | 21.209.029.349 | 289.403.431.284 |
| Số dư đầu năm nay | 260.000.000.000 | 852.875.935 | (314.400.000) | 7.655.926.000 | 34.009.574.382 | 302.203.976.317 |
| Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền | - | - | 314.400.000 | - | - | 314.400.000 |
| Mua lại cổ phiếu đã phát hành | - | - | (610.460.000) | - | - | (610.460.000) |
| Lợi nhuận trong kỳ này | - | - | - | - | 17.991.304.055 | 17.991.304.055 |
| Trích lập các quỹ đầu tư phát triển | - | - | - | 2.943.301.000 | (2.943.301.000) | - |
| Trích lập các quỹ khen thưởng, phúc lợi | - | - | - | - | (6.475.261.000) | (6.475.261.000) |
| Chia cổ tức, lợi nhuận | - | - | - | - | (18.720.000.000) | (18.720.000.000) |
| Số dư cuối kỳ này | 260.000.000.000 | 852.875.935 | (610.460.000) | 10.599.227.000 | 23.862.316.437 | 294.703.959.372 |

19b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--------------------------------|------------------------|------------------------|
| Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Khánh Hòa | 206.000.000.000 | 206.000.000.000 |
| Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh | 40.600.000.000 | 40.600.000.000 |
| Các cổ đông khác | 13.400.000.000 | 13.400.000.000 |
| Cộng | 260.000.000.000 | 260.000.000.000 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, phường Phương Sài, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

| | Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp | | Vốn điều lệ đã góp (VND) | Vốn điều lệ còn phải góp (VND) |
|-----------------------------------|--|------------|-----------------------------|--------------------------------------|
| | VND | Tỷ lệ (%) | | |
| Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Khánh Hòa | 206.000.000.000 | 79,23 | 206.000.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh | 40.600.000.000 | 15,62 | 40.600.000.000 | - |
| Các cổ đông khác | 13.400.000.000 | 5,15 | 13.400.000.000 | - |
| Cộng | 260.000.000.000 | 100 | 260.000.000.000 | - |

Ngày 30 tháng 01 năm 2018 Công ty đã được Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam chấp thuận việc phát hành lại cổ phiếu quỹ ra công chúng.

Ngày 10 tháng 04 năm 2018 Công ty đã mua lại 46.600 cổ phiếu với giá giao dịch 13.100 VND/Cổ phiếu theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 ngày 21 tháng 04 năm 2018.

19c. Cổ phiếu

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--|------------|------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 26.000.000 | 26.000.000 |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 26.000.000 | 26.000.000 |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại | 46.600 | 24.000 |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 25.953.400 | 25.976.000 |

Toàn bộ cổ phiếu là cổ phiếu phổ thông. Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

19d. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 ngày 21 tháng 4 năm 2018 như sau:

| | Số tiền (VND) |
|---|-------------------------|
| • Chia cổ tức cho các cổ đông (7,2% vốn chủ sở hữu) | : 18.720.000.000 |
| • Trích quỹ đầu tư phát triển (10% lợi nhuận sau thuế) | : 2.943.301.000 |
| • Trích quỹ khen thưởng (15% lợi nhuận sau thuế) | : 4.414.951.000 |
| • Trích quỹ thưởng HĐQT, BKS và Ban điều hành (4% lợi nhuận sau thuế) | : 1.177.320.000 |
| • Trích quỹ phúc lợi (3% lợi nhuận sau thuế) | : 882.990.000 |
| Tổng cộng | : 28.138.562.000 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, phường Phương Sài, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|------------------------------|-----------------------------------|------------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Doanh thu sản xuất nước sạch | 149.942.798.102 | 134.792.999.216 |
| Doanh thu hoạt động xây lắp | 6.336.232.672 | 5.459.757.075 |
| Doanh thu khảo sát thiết kế | 380.875.521 | 161.007.093 |
| Doanh thu bán vật tư | 949.000 | 8.146.363 |
| Cộng | 156.660.855.295 | 140.421.909.747 |

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

Khoản hàng bán bị trả lại.

3. Giá vốn hàng bán

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--------------------------------------|-----------------------------------|------------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Giá vốn sản xuất, cung cấp nước sạch | 124.525.743.290 | 110.151.330.249 |
| Giá vốn hoạt động xây lắp | 4.946.429.782 | 5.826.065.357 |
| Giá vốn hoạt động khảo sát, thiết kế | 354.935.982 | 50.001.205 |
| Giá vốn khác (bán vật tư,...) | 720.533 | 7.429.962 |
| Cộng | 129.827.829.587 | 116.034.826.773 |

4. Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi ngân hàng.

5. Chi phí tài chính

Chi phí lãi vay.

6. Chi phí bán hàng

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|-----------------------------------|-----------------------------------|--------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí dụng cụ, đồ dùng | 927.273 | 12.600.000 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 305.000.000 | 424.000.000 |
| - Chi phí dịch vụ hóa đơn điện tử | 305.000.000 | 292.000.000 |
| Các chi phí khác | 5.360.290 | 9.122.727 |
| Cộng | 311.287.563 | 445.722.727 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, phường Phương Sài, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|----------------------------------|-----------------------------------|----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí cho nhân viên | 2.121.898.432 | 1.178.682.731 |
| Chi phí đồ dùng văn phòng | 297.651.883 | 150.360.237 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 175.144.679 | 141.891.395 |
| Thuế, phí và lệ phí | 3.000.000 | 24.363.636 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 242.180.874 | 495.719.700 |
| Các chi phí khác | 1.696.590.748 | 933.140.065 |
| Cộng | 4.536.466.616 | 2.924.157.764 |

8. Thu nhập khác

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|---|-----------------------------------|----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Thu giá thoát nước, phí bảo vệ môi trường | 2.038.625.968 | 2.753.592.292 |
| Thu nhập khác | 80.443.475 | 128.834.131 |
| Cộng | 2.119.069.443 | 2.882.426.423 |

9. Chi phí khác

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------------------------------|----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí hỗ trợ thu phí bảo vệ môi trường | 2.036.487.360 | 2.740.122.081 |
| Chi phí bị phạt | 53.069.075 | 205.943.000 |
| Các chi phí khác | 1.851.081 | 118.188.555 |
| Cộng | 2.091.407.516 | 3.064.253.636 |

10. Lãi trên cổ phiếu

10a. Lãi cơ bản/ suy giảm trên cổ phiếu

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------------------------------|----------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 17.991.304.055 | 16.832.198.351 |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi | - | - |
| Trích thưởng Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Ban kiểm soát | - | - |
| Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu | 17.991.304.055 | 16.832.198.351 |
| Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ | 25.974.104 | 25.976.000 |
| Lãi cơ bản/ suy giảm trên cổ phiếu | 693 | 648 |

10b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày công bố Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, phường Phương Sài, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|----------------------------------|-----------------------------------|------------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 35.675.915.559 | 38.344.743.461 |
| Chi phí nhân công | 33.697.870.633 | 31.195.015.122 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 48.412.236.039 | 40.180.687.508 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 2.624.115.700 | 6.536.603.704 |
| Chi phí khác | 7.228.653.166 | 3.467.108.989 |
| Cộng | 127.638.791.097 | 119.724.158.784 |

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt chỉ có lương với tổng tiền lương trong kỳ là 2.188.440.000 VND (cùng kỳ năm trước là 2.368.747.000 VND).

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

| Bên liên quan khác | Mối quan hệ |
|---|-----------------------------------|
| Ủy ban Nhân dân tỉnh Khánh Hòa | Cổ đông sở hữu 79,23% vốn điều lệ |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Cấp thoát nước Suối Dầu | Công ty liên kết |

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, phường Phương Sài, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|---------------------------------------|-----------------------------------|---------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| <i>Ủy ban Nhân dân tỉnh Khánh Hòa</i> | | |
| Nhận bàn giao tài sản | - | 4.193.771.308 |
| Cổ tức được chia | 14.832.000.000 | - |

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.11a và V.16a,b.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh cho các hoạt động kinh doanh của Công ty. Trong năm, hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu tập trung vào các lĩnh vực: sản xuất nước sạch, hoạt động xây lắp, khảo sát thiết kế và bán vật tư. Báo cáo kết quả kinh doanh theo bộ phận thể hiện kết quả của lĩnh vực trong doanh trong năm như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Hoạt động sản xuất nước sạch | | |
| Doanh thu | 149.931.472.193 | 134.772.667.216 |
| Giá vốn | 124.525.743.290 | 110.151.330.249 |
| Lợi nhuận gộp | 25.405.728.903 | 24.621.336.967 |
| | Năm nay | Năm trước |
| Hoạt động xây lắp | | |
| Doanh thu | 6.336.232.672 | 5.459.757.075 |
| Giá vốn | 4.946.429.782 | 5.826.065.357 |
| Lợi nhuận gộp | 1.389.802.890 | (366.308.282) |
| | Năm nay | Năm trước |
| Hoạt động khảo sát, thiết kế | | |
| Doanh thu | 380.875.521 | 161.007.093 |
| Giá vốn | 354.935.982 | 50.001.205 |
| Lợi nhuận gộp | 25.939.539 | 111.005.888 |
| | Năm nay | Năm trước |
| Hoạt động khác (bán vật tư,...) | | |
| Doanh thu | 949.000 | 8.146.363 |
| Giá vốn | 720.533 | 7.429.962 |
| Lợi nhuận gộp | 228.467 | 716.401 |
| | Năm nay | Năm trước |
| Lợi nhuận gộp | 26.821.699.799 | 24.366.750.974 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, phường Phương Sài, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Công ty không tiến hành lập Báo cáo bộ phận cho các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán do không đủ thông tin để tiến hành chia tách.

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

3a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng và cho vay.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chi giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng hoặc có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính như sau:

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 41.664.745.159 | 25.035.408.807 |
| Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 21.000.000.000 | 21.000.000.000 |
| Phải thu khách hàng | 35.682.911.925 | 46.898.760.450 |
| Các khoản phải thu khác | 463.922.800 | 306.687.885 |
| Cộng | 98.811.579.884 | 93.240.857.142 |

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.5 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Tất cả các tài sản tài chính của Công ty đều trong hạn và không bị giảm giá trị.

3b. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, phường Phương Sài, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phải sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

| | Từ 1 năm trở xuống | Trên 1 năm đến 5 năm | Trên 5 năm | Cộng |
|-------------------------|-----------------------|------------------------|-----------------------|------------------------|
| Số cuối kỳ | | | | |
| Phải trả người bán | 22.321.176.414 | - | - | 22.321.176.414 |
| Vay và nợ | 17.684.597.863 | 101.694.467.128 | 56.066.947.570 | 175.446.012.561 |
| Các khoản phải trả khác | 22.060.379.709 | 4.193.771.308 | - | 26.254.151.017 |
| Cộng | 62.066.153.986 | 105.888.238.436 | 56.066.947.570 | 224.021.339.992 |
| Số đầu năm | | | | |
| Phải trả người bán | 33.660.495.540 | - | - | 33.660.495.540 |
| Vay và nợ | 32.280.216.985 | 84.458.467.128 | 56.066.947.570 | 172.805.631.683 |
| Các khoản phải trả khác | 5.344.999.565 | 4.193.771.308 | - | 9.538.770.873 |
| Cộng | 71.285.712.090 | 88.652.238.436 | 56.066.947.570 | 216.004.898.096 |

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

3c. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro lãi suất và rủi ro giá nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2018 và ngày 31 tháng 12 năm 2017 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của lãi suất, giá nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn có lãi suất thả nổi.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, phường Phương Sài, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Công ty chỉ có các khoản tiền gửi có kỳ hạn với lãi suất thả nổi tại ngày kết thúc kỳ kế toán là 53.156.729.554 VND (số đầu năm là 39.116.218.711 VND).

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của lãi suất đến lợi nhuận trước/sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

Rủi ro về giá nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá nguyên vật liệu.

3d. Tài sản đảm bảo

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 30 tháng 06 năm 2018 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2017.

4. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

Giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính như sau:

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|---|-----------------------|----------|-----------------------|----------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 41.664.745.159 | - | 25.035.408.807 | - |
| Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 21.000.000.000 | - | 21.000.000.000 | - |
| Phải thu khách hàng | 35.682.911.925 | - | 46.898.760.450 | - |
| Các khoản phải thu khác | 463.922.800 | - | 306.687.885 | - |
| Cộng | 98.811.579.884 | - | 93.240.857.142 | - |

Nợ phải trả tài chính

Giá trị ghi sổ của nợ phải trả tài chính như sau:

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|-------------------------|------------------------|------------------------|
| Phải trả người bán | 22.321.176.414 | 33.660.495.540 |
| Vay và nợ | 175.446.012.561 | 172.805.631.683 |
| Các khoản phải trả khác | 26.254.151.017 | 9.538.770.873 |
| Cộng | 224.021.339.992 | 216.004.898.096 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, phường Phương Sài, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể.

5. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Nha Trang, ngày 26 tháng 07 năm 2018



Trần Thị Thu Hà
Người lập biểu



Nguyễn Văn Quân
Kế toán trưởng



Trần Văn Huy
Tổng Giám đốc

